

XÃ HỘI HỌC VIỆT NAM: ĐỊNH VỊ ĐỂ TIẾN VÀO KỶ NGUYÊN MỚI

ĐẶNG THỊ ÁNH TUYẾT,
TRẦN VĂN HUẤN,
NGUYỄN HỮU HOÀNG*

Tóm tắt: Gần nửa thế kỷ hình thành và phát triển, xã hội học Việt Nam đã từng bước khẳng định vai trò trong hệ thống khoa học xã hội quốc gia. Sử dụng phương pháp tổng thuật tài liệu, bài viết này nhằm định vị lại vị trí, vai trò của xã hội học Việt Nam thông qua việc phân tích các thành tựu, hạn chế; từ đó đề xuất các định hướng chính nhằm tái cấu trúc tổng thể trong ngắn và dài hạn xã hội học theo hướng mở, liên ngành, thực tiễn và có tác động chính sách sâu rộng. Để không tụt hậu và xứng đáng với vai trò dẫn dắt tri thức xã hội, xã hội học Việt Nam cần trở thành một nền xã hội học có năng lực lý giải, phản biện, định hình và kiến tạo tương lai.

Từ khóa: khoa học xã hội, kiến tạo tương lai, kỷ nguyên mới, định vị, xã hội học Việt Nam.

Nhận bài: 10/7/2025

Gửi phản biện: 15/7/2025

Duyệt đăng: 29/8/2025

1. Giới thiệu

Sự phân mảnh thế giới xã hội (thực-ảo, lai thực-số) trở thành biến đổi xã hội lớn lao trong gần 30 năm đầu của thế kỷ XXI. Sự phát triển của cách mạng công nghiệp 4.0, 5.0 làm tiền đề ra đời các kiểu xã hội mới như xã hội số, xã hội 5.0 (xã hội siêu thông minh). Trong chừng ấy thời gian, nhân loại đã, đang và tiếp tục chứng kiến các biến động sâu sắc, khó đoán định về chính trị, kinh tế, xã hội và môi trường (Bùi Thế Cường, 2024). Thật phức tạp, nói như Abraham (2018): “Đây là thời đại tốt đẹp nhất, đây là thời đại tồi tệ nhất, đây là kỷ nguyên của trí khôn, đây là kỷ nguyên của ngu xuẩn, đây là thời kỳ của đức tin, đây là thời kỳ của ngờ vực, đây là mùa Ánh sáng, đây là mùa Tối tăm, đây là mùa xuân hy vọng, đây là mùa đông tuyệt vọng, chúng ta có mọi thứ trước mắt, chúng ta không có gì trước mắt ...” (xem thêm Bùi Thế Cường, 2024:2). Tuy vậy cũng từ đó tạo ra mảnh đất màu mỡ, đầy tiềm năng cho sự khai phá của các ngành khoa học xã hội và nhân văn, trong

* Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

đó có xã hội học. Tuy vậy, ngành cũng cần phản tư, định vị mình để hoàn thiện, phát triển, thể hiện vai trò ngày càng thực chất trong việc cung cấp luận chứng khoa học hoạch định chính sách, quản trị xã hội và phát triển con người bắt nhịp tiến bước vào kỷ nguyên mới của dân tộc, qua đó, hội nhập và đóng góp xứng đáng vào nền xã hội học toàn cầu.

Xã hội học hiện đại du nhập vào Việt Nam từ nửa đầu thế kỷ XX, nhưng phải đến những năm 1960-1970 mới được giới thiệu, nghiên cứu và giảng dạy một cách có hệ thống. Ở miền Nam, xã hội học được giới thiệu khoảng đầu những năm 1970 và phát triển theo xu hướng phương Tây với các nghiên cứu định lượng, điều tra thực địa trong các lĩnh vực đô thị học, giáo dục, giới, v.v. Tại miền Bắc, xã hội học được giới thiệu vào cuối những năm 1970 (Vũ Hào Quang, 2022:46) và được xem là một bộ môn có tính lý luận cao, gắn chặt với triết học Mác-xít, chủ yếu phục vụ công tác tư tưởng, nghiên cứu xã hội chủ nghĩa hiện thực. Nếu tính từ khi Viện Xã hội học thuộc Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam được thành lập vào ngày 09/9/1983, đến nay, xã hội học nước nhà đã đi gần được 1/2 thế kỷ (Viện Xã hội học, 2003:13).

Xã hội học nước nhà gần 50 năm qua đã và đang ở đâu, làm gì để tự hoàn thiện, đổi mới chính mình? Đây là câu hỏi, là trăn trở và băn khoăn của giới xã hội học Việt Nam, những người có trách nhiệm với xã hội học và yêu mến ngành khoa học đầy trí tuệ, hiện đại này. Đất nước sắp bước vào ngưỡng cửa của kỷ nguyên phát triển mới. Xã hội học nước nhà đã đi gần 50 năm. Trong bối cảnh mới của thế giới và quốc gia, cần thiết nhìn nhận, định vị lại vị thế, vai trò của xã hội học Việt Nam, từ đó làm nền tảng vững chắc để tự tin, tự cường phát triển và hội nhập. Từ đó, bài viết này tập trung vào hai nội dung chính: định vị lại xã hội học Việt Nam và gợi ý một số định hướng phát triển xã hội học Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

2. Định vị lại xã hội học Việt Nam: Đã và đang ở đâu?

2.1. Những đóng góp nổi bật của xã hội học

Một là, đóng góp xứng đáng vào hoạch định chủ trương, chính sách xã hội và đo lường hiệu lực, hiệu quả quản trị xã hội hiện đại

Trong ba thập niên gần đây, xã hội học Việt Nam ngày càng trở thành công cụ quan trọng phục vụ quá trình xây dựng, đánh giá và điều chỉnh chính sách. Các nhà xã hội học đã và đang tích cực tham gia vào các chương trình nghiên cứu phục vụ chiến lược phát triển kinh tế-xã hội ở các cấp độ khác nhau. Với sự khiêm tốn nhất, giới xã hội học nước nhà có thể tự hào rằng, thành tựu 40 năm Đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo có đóng góp quên mình của nhiều thế hệ các nhà khoa học xã hội nói chung và xã hội học nói riêng (Bùi Thế Cường, 2025b: 25). Thành tựu tổng kết, phát triển lý luận, cung cấp bằng chứng thực chứng và cơ sở lý thuyết phục hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có vai trò, đóng góp xứng đáng của ngành xã hội học (Nguyễn Đức Vinh, 2023; Hội Xã hội học Việt Nam, Liên hiệp các Hội Khoa

học và Kỹ thuật Việt Nam, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội, 2025: 33). Chẳng hạn, kết quả điều tra xã hội học về nghèo đa chiều do Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (Trung tâm Phân tích và Dự báo) và Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) tại Việt Nam thực hiện giai đoạn 2015-2020 đã giúp Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội xây dựng tiêu chí đo lường nghèo mới, không chỉ dựa vào thu nhập mà còn dựa vào tiếp cận các dịch vụ cơ bản như y tế, giáo dục, thông tin, nhà ở (UNDP & VASS, 2019). Điều này đã góp phần chuyển đổi cách tiếp cận chính sách xóa đói giảm nghèo từ đơn chiều sang toàn diện, phù hợp hơn với thực tiễn biến động xã hội hiện nay. Tương tự, các nghiên cứu về di cư nông thôn-thành thị và lao động phi chính thức do Viện Khoa học Lao động và Xã hội thực hiện đã được trích dẫn trong nhiều văn bản chính sách của Chính phủ, đặc biệt là Nghị quyết 116/NQ-CP ngày 24/9/2021 về chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19.

Trong bối cảnh nhà nước ngày càng coi trọng quản trị hiệu quả và dựa trên bằng chứng, các bộ chỉ số như: PAPI (Provincial Governance and Public Administration Performance Index), PCI (Provincial Competitiveness Index) và SIPAS (Satisfaction Index of Public Administration Services) - đều sử dụng phương pháp điều tra xã hội học quy mô lớn, áp dụng chặt chẽ nguyên tắc chọn mẫu ngẫu nhiên, bản hỏi chuẩn hóa và quy trình phân tích định lượng sâu, hiện đại, thậm chí ứng dụng công nghệ số. Những công cụ này không chỉ nâng cao tính minh bạch trong quản trị địa phương mà còn giúp chính quyền nhận diện chính xác những điểm yếu trong cung ứng dịch vụ công. Đáng kể, từ năm 2020 đến năm 2023, Chương trình phối hợp nghiên cứu và tư vấn chính sách giữa Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hội Xã hội học Việt Nam và Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) tại Việt Nam về chủ đề: “Triển khai dịch vụ hành chính công trực tuyến hướng tới không để ai bị bỏ lại phía sau trong tiến trình phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số ở các tỉnh có đông dân cư là đồng bào dân tộc thiểu số” đã được triển khai tại 9 tỉnh: Hoà Bình, Quảng Trị, Sóc Trăng, Gia Lai, Hà Giang, Trà Vinh, Bình Phước, Điện Biên và Ninh Thuận¹. Điều phối dự án quốc tế này là các nhà xã hội học Việt Nam đến từ Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Xã hội học, Hội Xã hội học Việt Nam, v.v. Quan trọng hơn, năm 2023, từ kết quả nghiên cứu, các nhà xã hội học Việt Nam đại diện nhóm nghiên cứu đã xây dựng thành công Báo cáo kiến nghị chính sách số 43 gửi Bộ Chính trị, Ban Bí thư, người đứng đầu các cơ quan Nhà nước cấp Trung ương với chủ đề: “Cải thiện khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ công trực tuyến cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hướng đến bao trùm”. Báo cáo đã được Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh phê duyệt, đồng ý gửi đến các đồng chí Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ; các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng năm 2023 (tại Công văn số 5367-CV/HVCTQG ngày 26/12/2023). Sau đó, Văn phòng Chính phủ đã có Công văn phúc đáp số

¹Tham khảo thêm tại: Website PAPI Việt Nam theo đường dẫn: <https://papi.org.vn/bao-cao-chuyen-de/?title=quan-tri-dien-tu>

278/VPCP-KSTT ngày 13/01/2024 đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tư pháp và Bộ Công an nghiên cứu Báo cáo này để phục vụ quá trình tham mưu, triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số.

Hai là, đóng góp vào nhận diện các vấn đề xã hội mới nảy sinh, từ đó hình thành ý thức công dân và năng lực phê phán

Từ khi được thành lập, ngành Xã hội học Việt Nam đã triển khai nhiều hướng nghiên cứu quan trọng với hàng loạt các đóng góp cụ thể về cơ cấu và phân tầng xã hội gắn với định hướng giá trị, biến đổi dân số và chính sách dân số, xã hội học đô thị, xã hội học nông thôn, các vấn đề về chính sách xã hội và công tác xã hội, nghiên cứu đánh giá tác động và thẩm định chính sách, v.v. (Viện Xã hội học, 2023). Ngoài ra, Xã hội học Việt Nam gần đây còn góp phần định hình dư luận và hiểu biết xã hội về các hiện tượng mới: tác động xã hội của mạng xã hội và kinh tế số; vấn đề giới, bình đẳng giới và LGBTQ+ trong bối cảnh văn hóa truyền thống, quyền con người, sinh kế bền vững và biến đổi khí hậu, v.v. Ngoài ra, một số nghiên cứu về “thế hệ Z và giá trị sống”, “người cao tuổi và an sinh xã hội”, “hạnh phúc của người Việt Nam”, “giá trị cơ bản của gia đình Việt Nam đương đại”, “thích ứng xã hội của người cao tuổi đối với chuyển đổi số”, v.v. đã góp phần gia tăng sự hiểu biết có chiều sâu của xã hội, thu hút sự quan tâm của học giả, nhà hoạt động thực tiễn và chính khách. Từ đó cung cấp giá trị khoa học định hướng cho các chiến lược truyền thông, giáo dục đạo đức và hoạch định chính sách các cấp (Hội Xã hội học Việt Nam, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội, 2025: 34-35).

Mặc dù chưa phổ biến, một số nhà xã hội học Việt Nam tâm huyết, tiên phong đã bước đầu xây dựng mô hình xã hội học công cộng (public sociology), xã hội học số, xã hội học 5.0 và tìm cách đưa tri thức học thuật ra công chúng thông qua các kênh truyền thông đại chúng, mạng xã hội, hoặc xuất bản phổ thông. Các kênh: <https://www.youtube.com/@LeMinhTien> (5,12 nghìn người đăng ký), <https://www.facebook.com/ChuyentroKhoahoc/>, v.v. hoặc một số chương trình truyền hình, trả lời báo chí về kỹ năng sống, văn hóa ứng xử, xây dựng tổ chức hạnh phúc (trường học hạnh phúc, v.v.) hay bình luận các vấn đề chính trị từ góc nhìn xã hội học, v.v. đều có dấu ấn của giới xã hội học nước nhà.

Ba là, lực lượng xã hội học ngày càng lớn mạnh, đóng góp vào đào tạo ngành xã hội học tại các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu

Khi mới thành lập, Ban Xã hội học chỉ có gần 10 cán bộ từ các ngành như văn học, sử học, kinh tế học, toán học, v.v. và phần lớn chưa được đào tạo chuyên sâu về Xã hội học (Website Viện Xã hội học, 2017). Sau hơn 40 năm phát triển, Viện Xã hội học đã xây dựng được đội ngũ cán bộ có trình độ cao, với nhiều công trình công bố trong và ngoài nước. Từ sau ngày 31/3/2025, thực hiện chủ trương chung về tinh gọn, sắp xếp tổ chức bộ máy, sau khi đổi tên thành Viện Xã hội học và Tâm lý học, Viện có 6 phòng nghiên cứu, 1 phòng

chức năng và 1 tạp chí (Tạp chí Xã hội học và Tâm lý học) (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, 2025).

Tính đến năm 2024, cả nước có khoảng 25 cơ sở đào tạo chuyên ngành xã hội học ở các bậc học khác nhau, với hàng nghìn sinh viên theo học mỗi năm. Ngoài ra, nhiều viện, khoa như Viện Xã hội học (nay là Viện Xã hội học và Tâm lý học), Viện Nghiên cứu con người, gia đình và giới (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam), Viện Kinh tế, Xã hội và Môi trường, Khoa Xã hội học và Phát triển - Học viện Báo chí và Tuyên truyền (Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh), Khoa Xã hội học và Công tác xã hội (Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội), Khoa Xã hội học (Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. Hồ Chí Minh), v.v. đã thực hiện hàng trăm đề tài khoa học cấp Nhà nước và dự án quốc tế, đóng góp tích cực vào quá trình hoạch định, tác động và điều chỉnh chính sách xã hội; tạo thế và lực mới cho ngành. Nhiều chương trình đào tạo xã hội học tại các cơ sở đào tạo như Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội, Trường Đại học Tôn Đức Thắng đạt kiểm định chất lượng quốc tế, có thứ hạng cao trên bảng xếp hạng khoa học toàn cầu (Hội Xã hội học Việt Nam, Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội, 2025:279; 310; 313).

2.2. Những hạn chế cơ bản

Một là, hạn chế về lý luận và bản địa hóa tri thức

Một điểm yếu nổi bật của xã hội học Việt Nam là sự thiếu hụt và khá lệ thuộc vào lý thuyết “nhập khẩu” chủ yếu từ các trường phái phương Tây. Trong khi các lý thuyết này thường không được điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh Việt Nam, hoặc được áp dụng một cách cơ học, thiếu sáng tạo. Điều này càng có cơ sở khi trong bài phát biểu của tân Chủ tịch Hiệp hội Xã hội học quốc tế lần thứ XX (2023-2027), giáo sư G. Pleyers đã nhấn mạnh, các lý thuyết “lấy châu Âu làm trung tâm” đang bị thách thức và trong khi thừa nhận sức mạnh không thể cưỡng lại của các quan điểm phương Tây, *cần quan tâm hơn xu hướng toàn cầu, đến kiến thức bị lãng quên thông qua đối thoại*². Không dừng lại ở đó, trước đó, S. Hanafi - Chủ tịch Hiệp hội Xã hội học quốc tế nhiệm kỳ lần thứ XIX cho rằng: “Thập niên 1990, học giả phương Tây thống trị hoàn toàn trong văn liệu xã hội học toàn cầu. Phương Nam toàn cầu và “phương Đông” thường chỉ được xem là địa bàn cho nghiên cứu thực nghiệm vận dụng các khái niệm Tây phương. Giờ đây, trái tim của xã hội học toàn cầu nằm ở chỗ làm cho những đóng góp của các học giả và tác viên từ phương Nam toàn cầu hiện lên và thách thức sự thống trị của tri thức lấy châu Âu làm trung tâm. Lý thuyết, khái

² Xem thêm tại: Installation of the New President, Geoffrey Pleyers' Speech | XX ISA World Congress of Sociology, Đường dẫn truy cập tại: https://www.youtube.com/watch?v=HBiKi09JRMw&list=PLPTYFqCu9SlmhVkozDFuRb-Xwwn_Q2VUZ&index=9

niệm và phân tích của các học giả Nam toàn cầu giúp ta hiểu các thách thức xã hội ở Nam toàn cầu cũng nhiều như ở Bắc toàn cầu (Hanafi, 2024:102).

Rõ ràng, việc phát triển lý thuyết xã hội học mang tính bản địa (indigenous sociology) - phản ánh những đặc trưng lịch sử, văn hóa, chính trị riêng biệt của các học giả, nhà xã hội ở Nam bán cầu nói chung và của Việt Nam nói riêng tuy là khoảng trống nhưng đầy thách thức. Hầu như chưa có lý thuyết xã hội học nào thực sự mang dấu ấn của nước ta được thừa nhận rộng rãi cả trong nước lẫn quốc tế. Phải chăng điều này đang quá sức với nền xã hội học nước nhà đã đi gần trọn nửa thế kỷ hay chúng ta vô tình né tránh hoặc lãng quên? Thực tế này đặt ra trách nhiệm mới cho chúng ta - nghiên cứu và quảng bá lý thuyết xã hội học mang dấu ấn Việt Nam ra cộng đồng học thuật quốc tế.

Hai là, hạn chế về truyền thông học thuật và xã hội học công cộng

Hệ sinh thái truyền thông học thuật tại Việt Nam còn rất hạn chế. Rất ít nhà xã hội học sử dụng phương tiện truyền thông xã hội để lan tỏa tri thức, phản biện chính sách hoặc khai sáng công luận. Trong khi đó, các chuyên gia từ các lĩnh vực khác (như kinh tế, công nghệ, sức khỏe) lại có ảnh hưởng xã hội mạnh mẽ hơn nhiều. Ngoài ra, sự thiếu vắng các “nhà xã hội học công cộng” - những người có khả năng kết nối giữa học thuật và công chúng - khiến xã hội học trở nên xa lạ, khô khan và dễ bị đánh giá thấp. Hệ quả là ngành xã hội học gặp khó khăn trong việc thu hút sinh viên, trong khi xã hội thực tế đang rất cần các chuyên gia am hiểu vấn đề xã hội và năng lực phân tích dữ liệu xã hội, dữ liệu số hay các thách thức xã hội trong kỷ nguyên số.

Ba là, hạn chế về nguồn lực, lực cản về thủ tục hành chính cứng nhắc và năng lực nghiên cứu hiện đại

Nguồn lực tài chính cho nghiên cứu xã hội học vẫn ở mức rất khiêm tốn. Nhiều đề tài phải phụ thuộc vào các dự án viện trợ quốc tế (UNDP, SIDA, Ford Foundation, ROSA, FES, v.v.), trong khi cơ chế phân bổ kinh phí trong nước còn dàn trải, mang tính hành chính hóa cao. Nhà khoa học nói chung, trong đó có giới xã hội học phải “vật lộn” với thủ tục hành chính, chứng từ đôi khi chỉ để hợp thức hoá thanh toán nhiệm vụ, tài trợ, dự án nên không còn nhiều tâm trí, thời gian đầu tư thực sự cho chất lượng khoa học. Đây là thực tế dai dẳng nhiều năm nay trong giới nghiên cứu nói chung và cả xã hội học nói riêng. Mặt khác, trong khi đội ngũ các nhà xã hội học đầu ngành, giàu kinh nghiệm đã đến tuổi nghỉ hưu thì lớp thế hệ kế cận chưa đủ mạnh và xứng tầm (Nguyễn Đức Vinh, 2023).

Năng lực nghiên cứu - đặc biệt là phân tích định lượng hiện đại, sử dụng thuần thực, chuẩn mực phương pháp nghiên cứu hỗn hợp còn hạn chế. Nhiều nhà nghiên cứu chưa được trang bị đầy đủ kỹ năng sử dụng các phần mềm phân tích mới, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và khai thác hiệu quả dữ liệu lớn. Ngoài ra, khả năng nhận diện nhạy bén các vấn đề xã hội mới, triển khai thành nghiên cứu nhanh chóng, chính xác, đảm bảo liêm chính học thuật cũng là thách thức cho các nhà xã hội học, viện nghiên cứu ở nước ta (Hội Xã hội học Việt

Nam, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội, 2025:35).

3. Xã hội học Việt Nam: Những định hướng chính trong kỷ nguyên mới

Để thích ứng và đóng vai trò tiên phong trong phân tích, dự báo “căn bệnh xã hội” với tư cách là “bác sĩ trị liệu xã hội” và “nhà tiên liệu xã hội”, chúng tôi gợi ý một số định hướng chính để tiếp tục phát triển ngành xã hội học Việt Nam trong ngắn và dài hạn, cụ thể như sau:

Một là, xã hội học phải trở thành ngành khoa học ứng dụng thiết yếu trong hoạch định chính sách: Thay vì chỉ đóng vai trò phân tích mô tả xã hội, xã hội học Việt Nam cần khẳng định vị trí như một “nền tảng tri thức thiết kế chính sách xã hội”. Điều đó đòi hỏi đẩy mạnh “xã hội học chính sách”, “xã hội học chính sách xã hội” (Trần Văn Huân, Nguyễn Hữu Hoàng, 2020:60), “xã hội học phê phán”; gắn kết trực tiếp với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức xã hội, doanh nghiệp xã hội trong quá trình hoạch định và giám sát chính sách; phát triển các bộ dữ liệu xã hội học mang tính hệ thống, số hoá, lớn, mở, sống và có thể truy cập phục vụ nghiên cứu và ra quyết định.

Chương trình đào tạo xã hội học ở bậc đại học và sau đại học cần được tái cấu trúc theo hướng tích hợp các năng lực mới: phân tích dữ liệu lớn, sử dụng phần mềm thống kê (SPSS, STATA, R), phương pháp hỗn hợp (mixed methods), điều tra xã hội học trực tuyến và khai thác dữ liệu từ “dấu vết số” từ không gian mạng, thế giới số. Ngoài ra, cần mở rộng nội dung chương trình sang các tiểu ngành mới như: Xã hội học số (Digital Sociology), Xã hội học 5.0 (Sociology 5.0) (Nguyễn Hữu Hoàng, 2023; Nguyễn Hữu Hoàng, 2024), Xã hội học môi trường (Environmental Sociology), Xã hội học về biến đổi khí hậu, Xã hội học về trí tuệ nhân tạo, v.v.

Ngoài việc vận dụng có chọn lọc các lý thuyết xã hội học phương Tây, cần nỗ lực xây dựng các lý thuyết mang tính bản địa để xã hội học Việt Nam có thể tự lực, tự cường và tự tin tham gia, đóng góp nền xã hội học toàn cầu. Điều này không đồng nghĩa cổ xúy cho “chủ nghĩa bản địa cực đoan” mà chỉ muốn nhấn mạnh rằng các nghiên cứu xã hội học chú ý hơn đến bối cảnh xã hội, văn hóa, lịch sử cụ thể của Việt Nam khi sử dụng mô hình lý thuyết Tây phương; hiệu chỉnh lý thuyết, mô hình ấy phù hợp thay vì áp dụng máy móc. Ngoài ra, cần đẩy mạnh truyền thông và chia sẻ kết quả nghiên cứu, nhất là mô hình, khung nghiên cứu và nội dung có tính lý thuyết mới từ thực tiễn Việt Nam với cộng đồng học thuật quốc tế.

Hai là, tái định vị xã hội học như một ngành “liên ngành, mở”: Xã hội học không thể duy trì tư thế “độc lập đóng kín” mà phải liên ngành với các ngành khác như: kinh tế học (xã hội học kinh tế, phân tầng xã hội); khoa học dữ liệu (phân tích hành vi xã hội từ big data); truyền thông (xã hội học truyền thông), xã hội học số, xã hội học 5.0, văn hóa số; môi trường và y tế (sinh thái học xã hội, xã hội học sức khỏe). Chỉ khi trở thành một “ngành

mở” và “cố kết” cao trong một thế giới phẳng, số và bất định, xã hội học mới không bị tụt hậu và có thể đóng vai trò cầu nối giữa khoa học và đời sống xã hội, theo kịp xu thế vận động, biến đổi xã hội.

Ba là, đưa xã hội học ra công chúng và trở thành một động lực thúc đẩy xã hội, phát hiện và gọi mở “kế sách” thực chứng chữa trị các “căn bệnh xã hội” cũ và mới của xã hội đương đại. Mỗi xã hội hiện đại cần một lớp trí thức xã hội học để làm chức năng cảnh báo, phản biện, định hướng giá trị và duy trì năng lực phê phán trong công chúng. Để làm được điều này, thiết nghĩ, các trường đại học, viện nghiên cứu, Hội Xã hội học Việt Nam cùng chi hội xã hội học cần:

- Đào tạo kỹ năng truyền thông học thuật cho giảng viên và nhà nghiên cứu.

- củng cố nền tảng truyền thông khoa học đại chúng hiện có (Website Hội Xã hội học Việt Nam <https://vsa.net.vn/>, fanpage “Xã hội học - Vì sự phát triển của con người và xã hội”, v.v.) và tiến tới xây dựng các nền tảng mới, đa dạng, hiện đại, cập nhật (blog học thuật, video xã hội học, podcast, v.v.);

- Tổ chức các diễn đàn phản biện chính sách, hội thảo mở với sự tham gia của nhà báo, công chức, doanh nghiệp và người dân. Ngoài “Ngày Xã hội học Nam bộ” hằng năm, cần tiến tới nghiên cứu, đề xuất “Ngày Xã hội học Việt Nam 09/9”, Hội nghị Xã hội học Việt Nam (2,5 năm/lần), v.v. Đây là diễn đàn, sự kiện mang đậm bản sắc và quy tụ, tập hợp các thế hệ xã hội học Việt Nam trong và ngoài nước cùng kết nối, chia sẻ, hỗ trợ nhau vì nền xã hội học Việt Nam - “mạnh, hiện đại, hội nhập và bản sắc”.

Bốn là, đổi mới về thể chế và chính sách đối với ngành xã hội học - Công nhận vai trò chiến lược của xã hội học trong chiến lược phát triển khoa học-công nghệ-đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn 2045. Ở cấp độ địa phương, Trung ương, nhiều lãnh đạo đã từng trực tiếp hoặc gián tiếp khẳng định điều này. Tuy nhiên, có lẽ cần có cam kết khẳng định cao hơn nữa (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021:234-235; Nguyễn Hữu Hoàng, 2021:135; Nguyễn Hữu Hoàng, 2023:36).

- Tăng đầu tư ngân sách cho nghiên cứu xã hội học, đặc biệt trong các lĩnh vực giáo dục, giới, già hóa dân số, chuyển đổi số, bất bình đẳng và phát triển bền vững, xã hội học số, xã hội học 5.0.

- Tạo quỹ nghiên cứu độc lập và linh hoạt cho các nhà khoa học trẻ, nhóm nghiên cứu liên ngành, nghiên cứu xã hội học công và ứng dụng.

- Đổi mới và tái cơ cấu hoạt động của Hội Xã hội học Việt Nam, trong đó, xây dựng chiến lược với tầm nhìn mới, vừa sát hợp với thực tiễn, đòi hỏi của Việt Nam (trong kỷ nguyên mới), vừa sát với trào lưu xã hội học đương đại, thông điệp của Đại hội Hiệp hội Xã hội học quốc tế thường niên.

- Xây dựng các dự án dữ liệu xã hội học quốc gia, có thể truy cập mở, được cập nhật thường xuyên, trọng tâm là đưa Tạp chí Xã hội học và Tâm lý học hiện nay sớm vào cơ sở dữ liệu Web of Sciences hoặc Scopus trong 10 năm tới. Trong thời gian đó, tiến tới ra mắt Bản tin/Tạp chí “Xã hội học đương đại” do Hội Xã hội học Việt Nam làm chủ quản (trực tuyến, đạt chuẩn quốc tế).

- Về cơ chế đánh giá và khen thưởng khoa học: Trọng tâm là xây dựng giải thưởng quốc gia/cấp Hội Xã hội học Việt Nam về xã hội học, trao định kỳ cho công trình xuất sắc có giá trị học thuật và thực tiễn (lấy ví dụ về Giải thưởng “Khuê Văn Các” lần thứ I - Năm 2024 dành cho các nhà khoa học trẻ Việt Nam dưới 35 tuổi thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn do Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các bộ ngành trao tặng). Giải thưởng theo hướng đa tiêu chí, không chỉ tính điểm công bố mà đánh giá theo tác động xã hội, ảnh hưởng chính sách, mức độ kết nối, phụng sự cộng đồng.

Sáu là, tăng cường kết nối liên ngành, xuyên ngành và hợp tác quốc tế

Xã hội học Việt Nam hiện đại không thể hoạt động biệt lập mà phải hòa nhập với các ngành khoa học khác như kinh tế học, khoa học dữ liệu, khoa học môi trường, giáo dục học, khoa học chính trị, nhân học, v.v. Do đó cần thúc đẩy các nghiên cứu, hợp tác liên ngành, xuyên ngành không chỉ trong nước mà còn với cộng đồng học thuật quốc tế trước mắt thông qua Hiệp hội Xã hội học khu vực, toàn cầu mà Hội Xã hội học Việt Nam là thành viên; hoặc qua uy tín cá nhân của nhà xã hội học đã có thời gian nghiên cứu, học tập hoặc đang công tác tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu uy tín ở nước ngoài. Ngoài ra, Hội Xã hội học Việt Nam cần là cầu nối tích cực hơn nữa để dẫn dắt, hỗ trợ hội viên, các nhà xã hội học trẻ có thêm cơ hội tăng cường hợp tác nghiên cứu, công bố quốc tế và kết nối mạng lưới học thuật với các tổ chức xã hội học quốc tế.

4. Kết luận

Trải qua hơn bốn thập niên hình thành và phát triển, xã hội học Việt Nam đã khẳng định vai trò quan trọng của mình trong đời sống học thuật và thực tiễn chính sách. Từ một ngành khoa học non trẻ, xã hội học đã từng bước khẳng định giá trị trong việc nhận diện các vấn đề xã hội, phản biện chính sách và góp phần vào hiện thực hoá mục tiêu phát triển bền vững đất nước. Những thách thức trong kỷ nguyên mới, khi xã hội biến đổi ngày càng nhanh, phức tạp và toàn diện, những hạn chế như quá trình bản địa hoá tri thức còn yếu, truyền thông học thuật chưa mạnh, nguồn lực và năng lực nghiên cứu còn khiêm tốn, v.v. là động lực để xã hội học “phản tư” và đổi mới chính mình nếu không muốn tụt hậu. Đó không chỉ là sự thay đổi mang tính kỹ thuật, mà là một sự tái cấu trúc triệt để, hệ thống. Quá trình này bắt đầu từ tư duy của đội ngũ nhà xã hội học, nhà quản lý trong lĩnh vực xã hội học và những người có trách nhiệm với nền xã hội học nước nhà nhằm nhìn nhận, định vị và kiến tạo một tương lai phát triển mới. Xã hội học Việt Nam cần thoát ra khỏi khuôn khổ “kỹ thuật mô tả xã hội”, tự cô lập trong “địa hạt tư tưởng” để trở thành một hệ tri thức định hướng hành động - giúp giới tinh hoa hiểu hơn về hiện trạng xã hội, các biến đổi có

tính quy luật của thời đại, giúp người dân hiểu nhau và giúp xã hội hiểu chính mình. Ngoài ra, xã hội học không chỉ là ngành khoa học về “cái đang là”, mà còn phải là khoa học về “cái nên là” - đóng vai trò dẫn dắt giá trị, hình thành đồng thuận xã hội và về “cái sẽ là” - định hướng phát triển xã hội theo hướng dân chủ, công bằng và bền vững. Sứ mệnh của xã hội học Việt Nam trong kỷ nguyên mới không chỉ là làm giàu tri thức xã hội, mà còn là góp phần xây dựng một xã hội có năng lực tự hiểu mình, tự điều chỉnh và cùng nhau kiến tạo tương lai phồn vinh, nhân văn và giàu bản sắc.

Tài liệu tham khảo

- Abraham, M. 2018. *Power, violence, and justice. Global Dialogue*, 8(1). International Sociological Association. <https://globaldialogue.isa-sociology.org/articles/power-violence-and-justice>
- Bùi Thế Cường. 2024. Quan tâm của xã hội học thế giới trong thập niên 2020. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ* (chuyên san Triết học - Chính trị học - Xã hội học), 26(3C), 1-7.
- Bùi Thế Cường. 2025a. Chú trọng nghiên cứu liên ngành và xuyên ngành để tạo đột phá? *Tạp chí Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh*, 1(322), 66-68.
- Bùi Thế Cường. 2025b. Xã hội học ở Việt Nam trong 40 năm Đổi mới. *Tạp chí Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh*, e1(325), 25-26.
- CENI & UNDP. 2024. *Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) năm 2023: Báo cáo toàn quốc*. Hà Nội: UNDP Việt Nam.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. 2021. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 2*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
- Hanafi, S. 2024. Toward a dialogical sociology: Presidential address - XX ISA World Congress of Sociology 2023. *International Sociology*, 39(1), 3-26. <https://doi.org/10.1177/02685809231223819>
- Nguyễn Hữu Hoàng. 2021. Bài học chính sách đối với Thành phố Hồ Chí Minh trong làn sóng thứ tư đại dịch COVID-19. *Tạp chí Khoa học Đại học Văn Lang*, 30(11/2021).
- Nguyễn Hữu Hoàng. 2023. Digital sociology in the XXI century: The core issues. *VNU Journal of Science: Policy and Management Studies*, 39(4).
- Nguyễn Hữu Hoàng. 2024. “Sociology 5.0”: New trend of sociology in the XXI century. In *Practice Oriented Science: UAE - RUSSIA - INDIA* (pp. 54-59). Moscow: Infinity.
- Trần Văn Huân & Nguyễn Hữu Hoàng. 2020. Social policy of science viewed from the aspect of sociology-research and some discussions. *VNU Journal of Science: Policy and Management Studies*, 36(1).
- Hội Xã hội học Việt Nam, Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội. 2025. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Vai trò của Ngành Xã hội học trong 40 năm Đổi mới ở Việt Nam*. Hà Nội.
- Vũ Hào Quang. 2022. Sự hình thành và phát triển của xã hội học về dư luận xã hội ở Việt Nam. *Tạp chí Xã hội học*, 3(159), 45-56.
- UNDP & VASS. 2019. *Báo cáo nghiên cứu nghèo đa chiều tại Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia.
- Viện Xã hội học. 2003. *Viện Xã hội học - 20 năm trưởng thành và phát triển*. Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội.
- Nguyễn Đức Vinh. 2023. Viện Xã hội học 40 năm xây dựng, phát triển và thành tựu. *Tạp chí Xã hội học*, số 3(163): 3-9.
- Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. 2025. *Quyết định số 494/QĐ-KHXXH ngày 31/3/2025 về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Xã hội học và Tâm lý học*.

Website Viện Xã hội học. 2017. *Tiến trình xây dựng, phát triển và hội nhập*.
http://ios.vass.gov.vn/noidung/gioithieu/Lists/lichsuhinhthanh/View_Detail.aspx?ItemID=8

Website Viện Xã hội học. 2021. *Trung tâm nghiên cứu dư luận xã hội và Truyền thông đại chúng*.
http://ios.vass.gov.vn/noidung/gioithieu/Lists/cocautochuc/View_Detail.aspx?ItemID=89

Website Viện Xã hội học. 2023. *Viện Xã hội học*. <https://vass.gov.vn/tin-tuc/vien-xa-hoi-hoc-t9245.html>